

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM ĐỘNG  
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HS-ST

Ngày: 20/9/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HUNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Hồng Thu và ông Vũ Quang Nguyên.

**- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phan Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Động.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn T. Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2022/TLST- HS ngày 24/8/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HS ngày 07/9/2022 đối với bị cáo:

**P.N.T**, sinh năm 1987 tại Hưng Yên; Nơi cư trú: Thôn T.H, xã H.A, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông P.V.N (đã chết) và bà N.T.P; Vợ: N.T.T (đã ly hôn). Bị cáo có hai con: lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/6/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kim Động. *Có mặt.*

**\* Bị hại:** Anh Đ.X.N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Phú Thuận, xã Doan Bái, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. *Vắng mặt.*

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh H.V.C, sinh năm 1993; trú tại: Thôn Đạo Khê, xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. *Có mặt.*

- Chị N.T.C2, sinh năm 1987; trú tại: Đội 7, thôn Hạnh Lâm, xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- Chị H.N.Ng, sinh năm 1993; trú tại: Thôn Phú Thuận, xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. *Có mặt.*

- Bà N.T.P, sinh năm 1954; trú tại: Thôn T.H, xã H.A, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Đ.X.Ch, sinh năm 1959; trú tại: Thôn Phú Thuận, xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. *Có mặt.*

- Anh N.V.L (tên gọi khác: Túc); trú tại: Thôn Hạnh Lâm, xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng tháng 9/2021, anh Đ.X.N bị Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Hưng Yên triệu tập để xác minh về việc anh N. có liên quan đến vụ án “Tổ chức cho người khác nhập cảnh, xuất cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép”. Do lo sợ, N. có gặp và kể lại sự việc đang bị điều tra với anh H.V.C, sinh năm 1993, ở xã Trung Hưng, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, là bạn làm sơn cùng với N. và nhờ anh C. xem có quan biết với ai không để nhờ lo cho N. không bị xử lý liên quan đến pháp luật. C. nói có quen với anh P.N.T nghe nói có nhiều mối quan hệ với cơ quan Công an có thể xử lý được việc của N.. Sau đó vài ngày, khi C. và N. đang ngồi chơi với nhau, C. gọi điện thoại cho T. và đưa điện thoại cho N. nói chuyện trực tiếp với T., lúc này N. kể lại toàn bộ sự việc đang bị cơ quan điều tra xác minh về hành vi vi phạm pháp luật và đặt vấn đề nhờ T. lo giúp cho N. sẽ không bị xử lý. Do hết tiền tiêu sài, khi nghe N. đặt vấn đề xong, T. liền nảy sinh ý định lừa dối C. và N. để kiếm tiền, T. nói với N. và anh C. là mình có quen biết nhiều công an có thể giúp N.. T. đồng ý nhận lời liên hệ tìm người giúp cho anh N. và bảo anh N. phải mang số tiền 10.000.000 đồng đưa cho T. để T. đưa cho bên công an đang xác minh vụ việc của N..

Đến khoảng tháng 11/2021, N. tiếp tục bị Cơ quan điều tra có giấy triệu tập để làm việc nên N. đã chuẩn bị số tiền 10.000.000 đồng như T. bảo và cùng anh C. đi xuống nhà T. ở xã H.A, huyện Kim Động để đưa cho T.. Khi xuống đến nhà T., N. cũng nói lại sự việc nhờ T. lo giúp, T. đồng ý và bảo cả anh C. cùng N. ra quán cơm ở xã Đức Hợp, huyện Kim Động ăn trưa. Tại đây, N. đếm lại số tiền 10.000.000 đồng và đưa cho anh C. và anh C. cầm tiền đó đưa cho T. nhờ lo giúp để N. không bị xử lý theo pháp luật. T. cầm tiền, sau đó N., T. và anh C. cùng đi về nhà T. ngồi chơi. Theo như T. khai khi N. đi ra ngoài vệ sinh thì T. lấy ra 2.000.000 đồng trong số tiền vừa nhận của N. đưa lại cho C., do trước đó C. và T. có thỏa thuận T. sẽ nói kênh giá lên mấy triệu với N. để chi cho C. và C. đã cầm số tiền 2.000.000 đồng rồi đi về cùng N.. Kết quả điều tra anh C. không thừa nhận vấn đề C. thỏa thuận với T. lấy kênh tiền của N., C. cũng xác định không nhận được số tiền 2.000.000 đồng từ T. như T. đã khai ở trên và không biết T. đã có sự lừa dối đối với C. và N..

Khoảng một tuần sau, khi có việc đi lên Bắc Giang, T. tiếp tục nảy sinh ý

định lừa N. để chiếm đoạt tài sản của N., T. gọi điện cho N. nói lên Bắc Giang có việc và muốn vào nhà N. chơi, N. đồng ý mời T. vào nhà N. ở xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang chơi. Khi T. đến nhà N. ăn cơm trưa, T. có nói với N. về việc đã lo giúp xong việc N. nhờ rồi và T. nói dối với N. là T. hứa mua món quà tặng vợ sếp để cảm ơn về việc đã nhờ lo xử lý việc không liên quan đến pháp luật của N., bảo N. chuẩn bị đưa cho T. từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để mua quà nhưng lúc đó N. không có tiền đưa ngay cho T.. Trên đường N. đưa T. ra xe đi về thì T. tiếp tục bảo N. cố gắng lo tiền để T. còn mua quà tặng vợ sếp, N. đồng ý và bảo T. đứng chờ để về nhà dòm tiền đưa cho T.. Khi N. về đến nhà có nói lại sự việc cho bố để là ông Đ.X.C, sinh năm 1959 và mẹ đẻ là bà N.T.L, sinh năm 1958 cùng ở thôn Phú Thuận, xã Đoan Bái, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, ông Ch. và bà Lan đã đưa cho N. số tiền 3.000.000 đồng, N. cầm 3.000.000 đồng ra đưa cho T. nhận tiền và đi ra xe về nhà.

Khoảng 10 ngày sau, N. tiếp tục nhận được giấy triệu tập lần 3 của Cơ quan an ninh điều tra, N. gọi điện cho T. để hỏi về việc tại sao vẫn nhận được giấy triệu tập, thì T. trả lời đã lo xong hết việc cho N. rồi, không phải đến theo giấy triệu tập mà khi nào T. bảo N. xuống thì N. mới được xuống. Do T. nói như vậy nên N. tin tưởng và tiếp tục đi làm, trong thời gian đi làm T. liên tục gọi điện cho N. và ông Ch. bảo gửi thêm số tiền 2.000.000 đồng cho T. vì T. đã bù tiền ra để lo cho N. trước rồi, N. đồng ý. Sau đó, T. gặp anh N.V.L, ở thôn Hạnh Lâm, xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên để nhờ anh Luông nhận hộ số tiền N. chuyển qua số tài khoản ngân hàng nhưng anh Luông không có số tài khoản ngân hàng nên T. đã xin số tài khoản ngân hàng của chị gái Luông là N.T.C, sinh năm 1987 ở cùng thôn để T. nhờ chị C2. nhận tiền hộ T.. Ngay sau khi chị C2. nhận được số tiền 2.000.000 đồng do N. chuyển khoản vào số tài khoản ngân hàng thì chị C2. đã rút số tiền đó đưa cho Luông đưa lại cho T.. Toàn bộ số tiền N. đưa và chuyển khoản 03 lần là 15.000.000 đồng, T. đã tiêu sài cá nhân hết mà không lo giúp được gì cho N. trên thực tế.

Tại biên bản xác minh tại địa phương xác định bản thân T. không có nghề nghiệp ổn định, không hành nghề luật sư, người bào chữa hay trợ giúp pháp lý. Đồng thời, việc anh Đ.X.N bị khởi tố bị can trong vụ án Tổ chức cho người khác nhập cảnh, xuất cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép hiện đang thực hiện lệnh tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hưng Yên, T. cũng không biết rõ điều đó.

Ngày 01/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Động tiến hành mở niêm phong 02 điện thoại do Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hưng Yên thu giữ của anh Đ.X.N và anh H.V.C, bên trong điện thoại có các file ghi âm ghi lại các cuộc gọi giữa N., C. với T. cùng Biên bản kiểm tra, nghe bản ghi âm trong điện thoại xác định nội dung 16 file ghi âm. Đồng thời, cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Động tiến hành cho P.N.T xác định giọng nói trong các file ghi âm được lưu trong điện thoại của anh Đ.X.N, giữa thuê bao của T. là 0984.133.925 và anh N. mà Cơ quan điều tra mở để cho T. nghe xác định là giọng nói của T. nói chuyện với N..

Ngày 14/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Động đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với P.N.T.

Đối với H.V.C, quá trình điều tra xác định C. không biết việc T. lừa đảo chiếm đoạt tài sản của N. và không nhận số tiền 2.000.000 đồng từ bị can T. nên không có căn cứ xử lý.

Đối với N.V.L và N.T.C, quá trình điều tra xác định Luông và C2. không biết nguồn gốc số tiền 2.000.000 đồng T. nhờ nhận hộ là tiền do T. phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người đàn ông lái xe chở T. lên nhà N., do lâu ngày T. không nhớ tên tuổi, địa chỉ của người lái xe đó nên không có căn cứ xác minh để xử lý.

*\* Vật chứng liên quan trong vụ án:*

Đối với chiếc điện thoại T. sử dụng để liên lạc với N. trong quá trình phạm tội, do thiếu tiền tiêu sài T. đã bán chiếc điện thoại trên cho một cửa hàng điện thoại tại Thành phố Hưng Yên, không xác định được tên, địa chỉ cụ thể của cửa hàng nên không thu giữ được.

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Động đang quản lý: 01 điện thoại OPPO màu đen đã qua sử dụng bên trong lắp 01 sim số 0967.484.193 của H.V.C bên trong điện thoại chứa các file ghi âm; 01 điện thoại Smartphone đã qua sử dụng của Đ.X.N bên trong điện thoại chứa các file ghi âm;

*\* Về trách nhiệm dân sự:* Đối với số tiền 15.000.000 đồng mà P.N.T chiếm đoạt của anh N., bị cáo đã nhờ mẹ đẻ của mình là bà N.T.P, sinh năm 1954, ở thôn T.H, xã H.A, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên bồi thường cho gia đình anh Đ.X.N số tiền 15.000.000 đồng và gia đình anh N. cũng không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Đối với số tiền 15.000.000 đồng mà bà Phái đã bồi thường thay cho T., bà Phái tự nguyện cho T. và không yêu cầu T. phải trả lại.

Cáo trạng số 54/CT-VKSKĐ ngày 22/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động đã truy tố P.N.T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

***Tại phiên tòa:*** Bị cáo T. thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H.N.N đề nghị được nhận lại chiếc điện thoại di động Smartphone của anh Đ.X.N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh H.V.C xác định không biết, không liên quan đến hành vi lừa đảo của bị cáo T.. Anh đề nghị được nhận lại chiếc điện thoại di động OPPO.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động trình bày luận tội giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo T. về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, đồng thời đề nghị HĐXX:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 174 BLHS, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã nhờ mẹ để bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của anh N. và gia đình anh N. không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại 01 điện thoại OPPO màu đen đã qua sử dụng bên trong lắp 01 sim số 0967.484.193 của H.V.C bên trong điện thoại chứa các file ghi âm cho anh H.V.C; 01 điện thoại Smartphone đã qua sử dụng của Đ.X.N bên trong điện thoại chứa các file ghi âm cho anh Đ.X.N.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện Kim Động và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo khai báo tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại anh Đ.X.N có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Trong giai đoạn điều tra đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ, HĐXX xét thấy sự vắng mặt của anh N. không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản xác minh; Biên bản khám xét; biên bản thu giữ vật chứng; Biên bản lấy lời khai.... Như vậy, HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng tháng 11, tháng 12/2021, tại địa bàn huyện Kim Động, P.N.T đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Đ.X.N tổng số tiền là 15.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo T. đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là

người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng vì lòng tham, lợi dụng sự tin tưởng của người khác, bất chấp các quy định của pháp luật, thực hiện việc phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả mà bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS):

Về nhân thân: Bị cáo T. là người có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Trong khoảng tháng 11, tháng 12/2021, P.N.T đã có 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Đ.X.N. Cụ thể: lần thứ nhất chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng; lần thứ hai chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng; lần thứ ba chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng. Mỗi lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T. đều đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn nhận tội, tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bố đẻ bị cáo là ông Phạm N.c Năm được Nhà nước phong tặng huân huy chương kháng chiến chống Pháp hạng 2 nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích, nhận định về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ TNHS được áp dụng đối với bị cáo, HĐXX xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định như mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập thấp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 15.000.000 đồng mà P.N.T chiếm đoạt của anh N., bị cáo đã nhờ mẹ đẻ của mình là bà N.T.P, sinh năm 1954, ở thôn T.H, xã H.A, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên bồi thường cho gia đình anh Đ.X.N số tiền 15.000.000 đồng và gia đình anh N. cũng không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Đối với số tiền 15.000.000 đồng mà bà Phái đã bồi thường thay cho T., bà Phái tự nguyện cho T. và không yêu cầu T. phải trả lại nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại T. sử dụng để liên lạc với N. trong quá trình phạm tội, do thiếu tiền tiêu sài T. đã bán chiếc điện thoại trên cho một cửa hàng điện thoại tại Thành phố Hưng Yên, không xác định được tên, địa chỉ cụ thể của

cửa hàng nên không thu giữ được.

Đối với 01 điện thoại OPPO màu đen đã qua sử dụng bên trong lắp 01 sim số 0967.484.193 của anh H.V.C; 01 điện thoại Smartphone đã qua sử dụng của anh Đ.X.N là tài sản hợp pháp của anh C. và anh N. nên trả lại cho anh C. và anh N. hai chiếc điện thoại trên.

[8]. Đối với anh H.V.C, quá trình điều tra xác định C. không biết việc T. lừa đảo chiếm đoạt tài sản của N. và không nhận số tiền 2.000.000 đồng từ bị cáo T. nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

Đối với anh N.V.L và chị N.T.C, quá trình điều tra xác định anh Luông và chị C2. không biết nguồn gốc số tiền 2.000.000 đồng T. nhờ nhận hộ là tiền do T. phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý là hợp lý.

Đối với người đàn ông lái xe chở T. lên nhà anh N., do lâu ngày T. không nhớ tên tuổi, địa chỉ của người lái xe đó nên không có căn cứ xác minh để xử lý là phù hợp.

[9]. Về án phí: Bị cáo T. phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Căn cứ** khoản 1 Điều 174; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

**2. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo P.N.T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

**3. Hình phạt:** Xử phạt bị cáo P.N.T 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 15/6/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**4. Về trách nhiệm dân sự:** Không xem xét, giải quyết.

**5. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại anh H.V.C 01 điện thoại OPPO màu đen đã qua sử dụng bên trong lắp 01 sim số 0967.484.193 được niêm phong trong bì thư.

Trả lại anh Đ.X.N 01 điện thoại Smartphone đã qua sử dụng bên trong chứa các file ghi âm được niêm phong trong bì thư.

*(Tình trạng, đặc điểm chi tiết vật chứng nêu trên được thể hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 6/9/2022 giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động).*

**4. Về án phí:** Bị cáo P.N.T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**5. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh C., chị Ng., ông Ch.; vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác. Bị cáo và đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THA);
- VKSND huyện Kim Động;
- Cơ quan điều tra và bộ phận HSNV Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**



HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA



HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA